

Bản án số: 17 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02/3/2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Đỗ Văn Bê;
2. Lê Thị Ngọc Ánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Tất – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 880/2017/TLST – HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thị Tr, sinh năm 19XX (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Số M, X, Tổ H, ấp P, xã G, huyện Q, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Anh Điều T, sinh năm 19XX (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Số C, khu D, Ấp B, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2017 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị Tr trình bày:

Chị và anh T chung sống với nhau từ năm 2014 đến năm 2015 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Q, tỉnh Bình Phước trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc trong khoảng 3 tháng đầu. Sau đó vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống về mọi vấn đề trong đời sống, anh T không biết quan tâm lo lắng cho gia đình, thường xuyên bài bạc, vợ chồng đã tự hòa giải, đoàn tụ nhiều lần nhưng không được. Chị và anh T đã sống ly thân từ đầu năm 2016 cho đến nay. Nay chị Tr yêu cầu được ly hôn với anh Điều T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Tr khai không có.

- Bị đơn anh Điều Tr:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhiều lần nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên không lấy được lời khai của anh T.

- Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa:

+ Việc tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là đúng quy định của pháp luật.

+ Việc giải quyết vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, đoàn tụ được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr. Về tài sản chung, nợ chung: Do anh T không có ý kiến trình bày nên dành quyền khởi kiện cho anh T khi có yêu cầu sau ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Thị Tr có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Điều T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Tr, anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Q, tỉnh Bình Phước theo giấy Chứng nhận kết hôn số: 18/2015, quyền số: 01/2014. Việc kết hôn do cả hai đều tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Chị Tr ly hôn với lý do vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống về mọi vấn đề trong đời sống, anh T không biết quan tâm lo lắng cho gia đình, thường xuyên bài bạc, vợ chồng đã tự hòa giải, đoàn tụ nhiều lần nhưng không được. Chị và anh T đã sống ly thân từ đầu năm 2016 cho đến nay.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh T biết để đến tham gia hòa giải nhưng anh T vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được, chị Tr và anh T đã ly thân từ năm 2016 đến nay thể hiện vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó, đủ cơ sở xác định anh T và chị Tr đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr, xử cho chị Tr được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Thị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Thị Tr với anh Điều T.

Xử cho chị Tr được ly hôn với anh Điều T.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Tr phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 005208 ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

3. Chị Tr, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân h. Long Thành;
- Chi cục Thi hành án dân sự h.Long Thành;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã G, huyện Q;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng, Thẩm phán (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)**

Dương Tấn Hưng